

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 52/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Anh **Trần Hải B**, sinh năm: 1975

**\* Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1980

Đồng địa chỉ: Xóm 3, thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Hải B và chị Nguyễn Thị Kiều T.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về hôn nhân: Anh Trần Hải B và chị Nguyễn Thị Kiều T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung là Trần Hải D, sinh ngày 30/4/2004 cho anh Trần Hải B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi)

Đối với con chung Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 20/10/1999 đã đủ tuổi trưởng thành nên anh B và chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Hải B không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Trần Hải B và chị Nguyễn Thị Kiều T xác nhận không có tài sản chung, không nợ chung của ai, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xem xét.

2.4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Hải B và chị Nguyễn Thị Kiều T mỗi người phải chịu 75.000đồng, anh B tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí DSST. Anh B đã nộp 150.000đ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006849 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh, Hoàn lại cho Anh Trần Hải B 150.000đ số tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Thanh**